

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính mới ban hành,
bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý
của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 884a/QĐ-BCT ngày 8/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1838/QĐ-BCT ngày 13/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tư Pháp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc rà soát, cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1406/TTr-SCT ngày 26/8/2016 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 261/STP-KSTTHC ngày 23/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ một số thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước bao gồm:

1. Phần 1, Danh mục thủ tục hành chính, số thứ tự 1, 2, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 26, 27, 61 thuộc thủ tục hành chính cấp tỉnh và số thứ tự 1, 8 thuộc thủ tục hành chính cấp huyện.

2. Phần 2. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính số 1, 2 (Từ trang 7 đến trang 23); số 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 (từ trang 65 đến trang 94); số 61 (từ trang 231 đến trang 234) thuộc Mục A thủ tục hành chính cấp tỉnh và số 01 (từ trang 300 đến trang 302); số 8 (từ trang 324 đến trang 326) Mục B thủ tục hành chính cấp huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- TT. TH-CB;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC-NgV. DN53 *ak*

CHỦ TỊCH *ak*



ak
Nguyễn Văn Trâm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT VÀ QUẢN LÝ CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 21/9 /2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

a) Thủ tục hành chính mới ban hành, bổ sung

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
I. Lĩnh vực an toàn thực phẩm			
1	T-BPC-282027-TT	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm và cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	10
2	T-BPC-282028-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm	23
II. Lĩnh vực Hóa chất			
3	T-BPC-282029-TT	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục, sản xuất kinh doanh có điều kiện	32
4	T-BPC-282030-TT	Cấp Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục, sản xuất kinh doanh có điều kiện	38
5	T-BPC-282031-TT	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	41
6	T-BPC-282032-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	44
7	T-BPC-282033-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	47
8	T-BPC-282034-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	49
9	T-BPC-282035-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	51
10	T-BPC-282036-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	53
11	T-BPC-	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời	

	282037-TT	kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	55
III. Lĩnh vực lưu thông trong nước và xuất nhập khẩu			
12	T-BPC-282038-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	57
13	T-BPC-282039-TT	Cấp Bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép	61
IV. Lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)			
14	T-BPC-282040-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	63
15	T-BPC-282041-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	66
16	T-BPC-282042-TT	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	68
17	T-BPC-282043-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	71
18	T-BPC-282044-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG	74
19	T-BPC-282045-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG	77
20	T-BPC-282046-TT	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh làm Tổng đại lý kinh doanh LPG	79
21	T-BPC-282047-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG	82
22	T-BPC-282048-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	84
23	T-BPC-282049-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	87
24	T-BPC-282050-TT	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh làm đại lý kinh doanh LPG	89
25	T-BPC-282051-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	92
26	T-BPC-282052-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	94
27	T-BPC-282056-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	97
28	T-BPC-	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào	100

	282061-TT	chai	
29	T-BPC- 282067-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	103
V. Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)			
30	T-BPC- 282071-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	106
31	T-BPC- 282075-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	109
32	T-BPC- 282080-TT	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	112
33	T-BPC- 282086-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	115
VI. Khí thiên nhiên nén (CNG)			
34	T-BPC- 282100-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	118
35	T-BPC- 282104-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	121
36	T-BPC- 282109-TT	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	124
37	T-BPC- 282114-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	127
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
I. Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng			
1	T-BPC- 282122-TT	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	130
II. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước			
2	T-BPC- 282131-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	133

b) Thủ tục hành chính được bãi bỏ tại Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước

STT	Mã số hồ sơ	Tên Thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ các TTHC
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	280722	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm và cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
2	280735	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm	- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
12	280745	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục, sản xuất kinh doanh có điều kiện	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.
13	280746	Cấp Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục, sản xuất kinh doanh có điều kiện	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

14	280747	Cấp Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.
15	280748	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.
16	280749	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.
17	280750	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.
18	280751	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

19	280752	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.
20	280753	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.
26	280760	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
27	280761	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
61	280796	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

01	280814	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
08	280821	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ QUẢN LÝ CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm và cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ. Mã số hồ sơ: T-BPC-282027-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ và thẩm định.

+ Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương có trách nhiệm Tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương có quyền hủy hồ sơ.

+ Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở: Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương Tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở gồm từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, trong đó phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên làm công tác chuyên môn hoặc quản lý về an toàn thực phẩm (đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia). Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở:

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo Mẫu 3a;

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 (sáu mươi) ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục để Tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc tính từ khi Sở Công Thương nhận được báo cáo khắc phục;

Nếu kết quả thẩm định lại vẫn “không đạt”, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 (một) bản và cơ sở giữ 01 (một) bản.

+ Cấp Giấy chứng nhận: Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản chính do chủ cơ sở ký tên, đóng dấu (nếu có));

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề là sản xuất thực phẩm (Bản sao có xác nhận cơ sở);

- Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất thực phẩm (do chủ cơ sở ký tên, đóng dấu) hoặc Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (do chủ cơ sở ký tên, đóng dấu nếu có).

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất (Bản sao có xác nhận của cơ sở), trường hợp đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất (nếu có).

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (Bản sao có xác nhận cơ sở.), trường hợp đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (đóng thành cuốn); 01 bộ gửi về Sở Công Thương, 01 bộ lưu tại tổ chức, cá nhân.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm duyệt hồ sơ: 500.000 đồng/01lần/cơ sở.

- Mức phí thẩm định:

+ Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu bằng hoặc dưới 100 triệu đồng tháng: 2.000.000 đồng.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu trên 100 triệu đồng /tháng: 3.000.000 đồng.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 150.000đ/một lần cấp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 1a, Phụ lục I, Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương; Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ theo Phụ lục I mẫu 1b Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương (có biểu mẫu kèm theo).

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất trang thiết bị và dụng cụ sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2a, Phụ lục II, Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương; Bản tự đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Phụ lục II mẫu 2b Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương.

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 4, Phụ lục IV, Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 Thông tư số 15/2012/TT-BYT Quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế. Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thực hiện theo Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Phụ lục 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ⁽¹⁾
Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):

Địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Giấy phép kinh doanh số ngày cấp: đơn vị cấp:

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm):

Công suất thiết kế:

Doanh thu dự kiến:

Số lượng công nhân viên: (trực tiếp:; gián tiếp:

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Mẫu Đơn áp dụng đối với cơ sở sản xuất thực phẩm

Mẫu 1b
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ⁽¹⁾

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):.....

Địa chỉ tại:.....

Điện

thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số; ngày cấp;; Cơ quan cấp:

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận) :.....

Công suất, doanh thu:.....

Tổng số cán bộ công nhân viên (trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)(bao gồm cả chủ cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu (nếu có)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh ;
- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm.
- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm;

Ghi chú: ⁽¹⁾ Mẫu đơn áp dụng đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ; đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

Mẫu 2 a
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ
KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:.....
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại.....Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Phạm vi kinh doanh (01 tỉnh hay 02 tỉnh trở nên):.....
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khoẻ định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh: ...m², Trong đó diện tích kho hàng: ...m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:.....
- Nguồn điện cung cấp:.....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:.....
- Hệ thống thu gom rác thải và xử lý môi trường:
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:

2. Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang. thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm						
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm						
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm						
4	Dụng cụ rửa và sát						

	trùng tay						
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
6	Trang bị bảo hộ						
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa ?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:.....
- Chủ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II. 1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:m², Trong đó diện tích để sản xuất:m²;

II. 2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất						

	(nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II. 3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

1. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):người;
2. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:người;
3. Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:người;
4. Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người;
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư/2015/TT-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

Mẫu 3a
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm 20.....

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 58/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Thực hiện theo Quyết định số, ngày tháng năm ... của Đoàn thẩm định gồm có:

- 1.....Trưởng đoàn
- 2.....Thành viên
- 3.....Thành viên
- 4.....Thành viên
- 5.....Thư ký

Tiến hành kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, đánh giá việc thực hiện những quy định về cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho:
- Điện thoại Fax
- Giấy phép kinh doanh số: Ngày cấp Nơi cấp
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm số:
- Diện tích mặt bằng:
- Tổng số công nhân viên: Trong đó: Trực tiếp Gián tiếp ...

I. Đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm

TT	Nội dung	Mức độ kiểm tra (A/B)	Đánh giá		Ghi chú
			Đạt	Không đạt	
I. Điều kiện về địa điểm, cơ sở					
1	Địa điểm cơ sở	B			
2	Môi trường cơ sở	B			
3	Thiết kế, bố trí và kết cấu nhà xưởng				
	- Kho nguyên liệu	A			
	- Kho bao bì	A			
	- Kho sản phẩm	A			
	- Khu vực sản xuất	A			
	- Khu vực đóng gói	A			
	- Khu vực rửa tay	A			
	- Phòng thay đồ bảo hộ	B			
	- Nhà vệ sinh	B			
4	Nguyên liệu; phụ gia	A			
5	Nguồn nước sản xuất, vệ sinh	A			
6	Hệ thống chiếu sáng	B			
7	Hệ thống thông gió	B			
8	Hệ thống cung cấp khí nén	B			
9	Hệ thống cung cấp hơi nước	B			
10	Hệ thống thu gom, xử lý rác thải	B			
11	Hệ thống thoát nước thải	B			
II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ					
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất	A			
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm	A			
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm	A			
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm	A			
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng	A			
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ	B			
7	Thiết bị giám sát	B			
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay	A			
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu	A			
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại	A			
11	Trang phục lao động khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm	A			

III. Điều kiện về con người					
1	Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.	A			
2	Giấy xác nhận đủ sức khỏe	A			

II. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

a. Điều kiện về địa điểm, cơ sở:

.....
.....
.....

b. Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:

.....
.....
.....

c. Điều kiện con người:

.....
.....
.....

2. Kiến nghị:

.....
.....
.....

3. Kết luận: (Cơ sở “Đạt” khi 100% các tiêu chí mức độ A và > 60% các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Chờ hoàn thiện” khi 100% các tiêu chí mức độ A và từ 40% - 60% các tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt; cơ sở “Không đạt” khi có 1 tiêu chí mức độ A hoặc > 60% các tiêu chí mức độ B đánh giá không đạt).

Kết quả thẩm định cơ sở:

Đạt:

Không đạt:

Chờ hoàn thiện:

Biên bản kết thúc lúc:giờ phút, ngày ... tháng ... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện cơ sở (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng đoàn thẩm định (Ký, ghi rõ họ tên)
--	---

Mẫu 4
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm 20.....

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị Sở Công Thương kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

	ĐẠI DIỆN CƠ SỞ (Ký tên, đóng dấu)
--	---

2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Mã số hồ sơ: T-BPC-282028-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ và thẩm định.

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Sở Công Thương đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại; trường hợp từ chối cấp lại, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện như trường hợp cấp lần đầu.

+ Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, Sở Công Thương đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại; trường hợp từ chối cấp lại, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ :

- Đối với trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (do chủ cơ sở đơn vị ký tên, đóng dấu (nếu có)).

- Đối với trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (do chủ cơ sở đơn vị ký tên, đóng dấu (đóng dấu)).

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề là sản xuất thực phẩm (Bản sao có xác nhận cơ sở).

- Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất thực phẩm (do chủ cơ sở ký tên, đóng dấu) hoặc Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm

an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ (do chủ cơ sở ký tên, đóng dấu).

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất (Bản sao có xác nhận của cơ sở), trường hợp đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất (nếu có).

- Giấy xác nhận đủ sức khoẻ của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (Bản sao có xác nhận cơ sở), trường hợp đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ Giấy xác nhận đủ sức khoẻ của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (nếu có).

- Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất.

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (do chủ cơ sở đơn vị ký tên, đóng dấu).

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp lần đầu (bản chính).

+ Văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã thay đổi (Bản sao có xác nhận cơ sở).

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (đóng thành cuốn) 01 bộ gửi về Sở Công Thương, 01 bộ lưu tại Tổ chức, cá nhân.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý công nghiệp

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy Chứng nhận.

h) Phí, lệ phí:

- Đối với trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.

+ Lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm: 150.000 đồng/cơ sở.

- Đối với trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất.

+ Lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm: 150.000 đồng/cơ sở.

- Đối với trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

+ Lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm: 150.000 đồng/cơ sở.

- + Phí thẩm duyệt hồ sơ: 500.000 đồng/01lần/cơ sở.
- + Phí thẩm định cấp lại:
 - . Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đồng/tháng.
 - . Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm có doanh thu dự kiến ≤ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/cơ sở.
 - . Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm có doanh thu dự kiến > 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đồng/cơ sở.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đối với cơ sở sản xuất thực phẩm Mẫu 1c quy định tại Phụ lục I Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương; Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ theo Phụ lục I mẫu 1d Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất đối với cơ sở sản xuất Mẫu 2a quy định tại Phụ lục II Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương; Bản tự đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ theo Phụ lục II mẫu 2b Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 Thông tư số 15/2012/TT-BYT Quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế; đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
- Căn cứ Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
- Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn thực phẩm.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

Mẫu 1c
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

- Cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ tại:
- Điện thoại:Fax:.....
- Giấy phép kinh doanh số.....ngày cấp:.....đơn vị cấp:.....
- Ngành nghề sản xuất:.....
- Công suất thiết kế:.....
- Doanh thu dự kiến:.....Triệu đồng/tháng.
- Số lượng công nhân viên:.....(trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)
- Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ngày cấp
- Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương):.....
- Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.
- Đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bình Phước xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên & ghi rõ họ tên)

Mẫu 1d
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều
kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:....(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....

Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:... (ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....;
Cơ quan cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:.....

.....

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

Mẫu 2 a
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT, CHẾ
BIẾN THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:
- Địa chỉ kho:
- Điện thoại..... Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất, chế biến:.....
- Công suất thiết kế:.....
- Tổng số cán bộ, nhân viên, công nhân
- Tổng số cán bộ, công nhân trực tiếp sản xuất
- Tổng số cán bộ, công nhân đã được xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định:
- Tổng số cán bộ, công nhân đã xác nhận sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

II.1. Cơ sở vật chất:

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm², Trong đó diện tích nhà xưởng sản xuấtm²;
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất (Kho nguyên liệu, khu vực sản xuất, chế biến, hoàn thiện sản phẩm; kho thành phần; khu vực vệ sinh;...)
- Thuyết minh quy trình sản xuất và Sơ đồ quy trình sản xuất
- Kết cấu nhà xưởng
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL
- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng (hệ thống thoát nước thải và khu vệ sinh cá nhân.)
- Hệ thống xử lý môi trường
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến:

3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu phụ lục và bảo quản phụ lục						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						
14	Hệ thống thông gió						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Cơ sở đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có và đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm để sản xuất, chế biến thực phẩm theo quy định.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định./.

....., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO
AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:.....
- Chủ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II. 1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:m², Trong đó diện tích để sản xuất:m²;

II. 2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu						

	có)						
8.1							
...							
8.?							

II. 3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

1. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):người;
2. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:người;
3. Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:người;
4. Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người;
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư/2015/TT-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

II. Lĩnh vực hóa chất

3. Cấp Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục, sản xuất kinh doanh có điều kiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-282029-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương;

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tài liệu pháp lý:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư xây dựng;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo đề án hoặc Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo đề án do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Bản sao văn bản thông báo với cơ quan cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về Phòng cháy và chữa cháy;

- Tài liệu về điều kiện kỹ thuật:

+ Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm;

+ Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn;

+ Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất.

- Tài liệu về điều kiện đối với người sản xuất: Bản kê khai nhân sự, gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: 200.000 đồng/giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn (Mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư 28/2010/TT-BCT);

- Bản kê khai nhân sự (Mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2010/NĐ-CP:

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hoá chất của cơ sở sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hoá chất.

- Cán bộ chuyên trách quản lý an toàn hóa chất được đào tạo hoặc huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong cơ sở sản xuất hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất.

- Có trang thiết bị phù hợp hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực được cơ quan có thẩm quyền thừa nhận để kiểm tra hàm lượng và các thành phần hóa chất.

- Có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010 của bộ công thương quy định cụ thể một số điều của luật hoá chất và nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm

.....

do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
2..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

- 1.
- 2.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI
THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ
AN TOÀN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT

TTT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4	5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI
CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT

TT T	Họ và tên	Năm sinh	Nam/N ữ	Trình độ chuyên môn, nghề vụ	Chức vụ, chức danh	Nhữn g khóa đào tạo đã tham gia	Sức khoẻ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

4. Cấp Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục, sản xuất kinh doanh có điều kiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-282030-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương;

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tài liệu pháp lý:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản sao văn bản thông báo với cơ quan cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về Phòng cháy và chữa cháy

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Tài liệu về điều kiện kỹ thuật:

+ Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của từng cơ sở kinh doanh hóa chất nguy hiểm;

+ Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn;

+ Bản kê khai địa điểm kinh doanh, nếu cơ sở kinh doanh hóa chất có nhiều điểm kinh doanh cùng một loại hóa chất thì mỗi điểm kinh doanh phải lập hồ sơ riêng theo quy định tại Điều này và được cấp chung một Giấy chứng nhận;

+ Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh.

- Tài liệu về điều kiện đối với người kinh doanh:

Bản kê khai nhân sự theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này, gồm: cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên có liên quan trực tiếp đến kinh doanh, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: 200.000 đồng/giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn (Mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư 28/2010/TT-BCT);

- Bản kê khai nhân sự (Mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hoá chất.

- Người trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong cơ sở kinh doanh hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất.

- Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông Tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010 của bộ công thương quy định cụ thể một số điều của luật hoá chất và nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Mẫu đơn, tờ khai như mẫu thủ tục số 3

5. Cấp Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-282031-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Bản kê khai nhân sự.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư xây dựng.

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo đề án hoặc Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo đề án do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Bản sao văn bản thông báo với cơ quan cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về Phòng cháy và chữa cháy.

- Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm.

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn.

- Bản kê khai địa điểm kinh doanh, nếu cơ sở kinh doanh hóa chất có nhiều điểm kinh doanh cùng một loại hóa chất thì mỗi điểm kinh doanh phải lập hồ sơ riêng.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 1. 200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: 200.000 đồng/giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn (Mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư 28/2010/TT-BCT);

- Bản kê khai nhân sự (Mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều kiện về sản xuất:

+ Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hoá chất của cơ sở sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hoá chất;

+ Cán bộ chuyên trách quản lý an toàn hóa chất được đào tạo hoặc huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

+ Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong cơ sở sản xuất hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

+ Có trang thiết bị phù hợp hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực được cơ quan có thẩm quyền thừa nhận để kiểm tra hàm lượng và các thành phần hóa chất;

+ Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Điều kiện về kinh doanh:

+ Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hoá chất;

+ Người trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong cơ sở kinh doanh hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

+ Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12;

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông Tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010 của bộ công thương quy định cụ thể một số điều của luật hoá chất và nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất;

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Mẫu đơn, tờ khai như mẫu thủ tục số 3

6. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-282032-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương;

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp.
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.
- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp có thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đã được cấp, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo các điều kiện như đối với thủ tục cấp mới quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2010/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông Tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010 của bộ công thương quy định cụ thể một số điều của luật hoá chất và nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:.....

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm

.....

do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
2..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

- 1.
- 2.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

7. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-282033-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương;

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung.
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp.
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.
- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp có thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đã được cấp, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo các điều kiện như đối với thủ tục cấp mới quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2010/NĐ-CP.

D) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông Tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010 của bộ công thương quy định cụ thể một số điều của luật hoá chất và nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Mẫu đơn, tờ khai như mẫu thủ tục số 6

8. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-282034-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương;

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp.

- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp có thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đã được cấp, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo các điều kiện như đối với thủ tục cấp mới quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 26/2010/NĐ-CP.

D) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông Tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010 của bộ công thương quy định cụ thể một số điều của luật hoá chất và nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Mẫu đơn, tờ khai như mẫu thủ tục số 6

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-282035-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương;

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại.

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận (nếu có).

- Trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành, trước thời điểm hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 (ba mươi) ngày làm việc, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Giấy chứng nhận hoặc Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đã được cấp lần trước;

+ Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12;

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010 của bộ công thương quy định cụ thể một số điều của luật hoá chất và nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Mẫu đơn, tờ khai như mẫu thủ tục số 6

10. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-282036-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương;

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận (nếu có).

- Trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành, trước thời điểm hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 (ba mươi) ngày làm việc, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Giấy chứng nhận hoặc Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đã được cấp lần trước;

+ Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12;

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010 của bộ công thương quy định cụ thể một số điều của luật hoá chất và nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Mẫu đơn, tờ khai như mẫu thủ tục số 6

11. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện. Mã số hồ sơ: T-BPC-282037-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị và trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các loại giấy tờ, tài liệu hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Công Thương hướng dẫn để cá nhân, Tổ chức hoặc cá nhân, Tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại Sở theo văn bản hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận (nếu có).

- Trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành, trước thời điểm hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 (ba mươi) ngày làm việc, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp lại;

+ Giấy chứng nhận hoặc Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu đối với Giấy chứng nhận đã được cấp lần trước;

+ Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12;

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 18/2011/TT-BCT bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010 của bộ công thương quy định cụ thể một số điều của luật hoá chất và nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất.

- Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 03/6/2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

Mẫu đơn, tờ khai như mẫu thủ tục số 6

II. Lĩnh vực lưu thông trong nước và xuất nhập khẩu

12. Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. Mã số hồ sơ: T-BPC-282038-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân bán buôn sản phẩm rượu gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.
- Bước 2: Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân.
- Bước 3: Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.
- Bản cam kết do doanh nghiệp tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.
- Bản thuyết minh hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống bán buôn.
- Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (nếu đã kinh doanh) của các doanh nghiệp đã hoặc sẽ thuộc hệ thống bán buôn sản phẩm rượu (tối thiểu phải có từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên).
- Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ địa bàn, loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).
- Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.
- Hồ sơ về phương tiện vận chuyển bao gồm: bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận chuyển (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm); tối thiểu phải có quyền sử dụng 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển.

- Hồ sơ về năng lực tài chính: có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng có số dư tài khoản tối thiểu 300 triệu đồng).

- Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi Sở Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định:

+ Khu vực thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

+ Khu vực huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Lệ phí:

+ Khu vực thị xã: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

+ Khu vực huyện: 100.000 đồng/giấy/lần cấp

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Mẫu tại Phụ lục 29 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm rượu trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên);

- Trực thuộc hệ thống kinh doanh của Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên hoặc khối tích phải từ 150 m³ trở lên) đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có phương tiện vận tải thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với

quy mô kinh doanh của doanh nghiệp (tối thiểu phải có 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên); đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển;

- Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 300 triệu Việt Nam đồng trở lên);

- Có bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Sở Công Thương⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:;Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh: Tên địa điểm kinh doanh:;Địa chỉ.....; Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Sở Công Thương⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, cụ thể:

1. Được phép Tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ của Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:⁽³⁾

Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ của Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:⁽³⁾

b) Được phép Tổ chức hệ thống bán buôn sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố⁽¹⁾

2. Được phép Tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

.....⁽⁴⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số..../2012/TT-BCT ngày... tháng.... năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp dự định xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,..;

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ của Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối rượu.

(4): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

13. Cấp Bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép. Mã số hồ sơ: T-BPC-282039-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra danh mục hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả làm giấy biên nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân;

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Cán bộ trực tiếp hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu để hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý thương mại. Phòng Quản lý thương mại tiến hành thẩm định hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở ký Bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép.

Trường hợp từ chối cấp Bản xác nhận, Sở Công Thương trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến hẹn tổ chức, cá nhân nhập khẩu mang phiếu hẹn đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương để nhận kết quả hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển qua đường bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Sở Công Thương.

- Qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công cơ khí, chế tạo (kể cả hàng nhập khẩu để lắp ráp, sửa chữa, bảo hành) và cam kết không sử dụng thép nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm thép phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông; số lượng nhập khẩu phù hợp với công suất của dây chuyền sản xuất, gia công trong một thời gian nhất định theo kê khai;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

- Bản thuyết minh cơ sở vật chất (diện tích nhà xưởng, kho bãi, dây chuyền công nghệ), năng lực sản xuất của tổ chức, cá nhân, chủng loại sản phẩm và nhu cầu thép làm nguyên liệu sản xuất (tấn/năm) có ký tên, đóng dấu của đại diện tổ chức, cá nhân.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhập khẩu thép.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Thông tư liên tịch số 58/2015/TT-BCT-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu./.

V. Lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

14. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai. Mã số hồ sơ: T-BPC-282040-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai cho thương nhân.

Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo phụ lục số 17 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG.

- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

- Bản sao Chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, an toàn của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

h) Phí, lệ phí:

* Đối với Doanh nghiệp:

- Phí thẩm định: Thị xã: 1.200.000 đồng; Huyện: 600.000 đồng.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

* Đối với hộ kinh doanh:

- Phí thẩm định: Thị xã: 400.000 đồng; Huyện: 200.000 đồng.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo Phụ lục số 17 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý hoặc Tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối

- Đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo về phòng cháy và chữa cháy, an toàn theo quy định hiện hành;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế:

Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG
đầu mối:
1.....
2.....
3.....

Hoặc Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với tổng đại lý kinh doanh
LPG:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh
doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo quy định tại Nghị
định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí,
các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....ngày....tháng...năm...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

15. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai. Mã số hồ sơ: T-BPC-282041-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo Phụ lục số 19 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế :
Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa
hàng bán LPG chai số.....ngày cấp.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo quy định tại
Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh
doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

.....,ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

16. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai. Mã số hồ sơ: T-BPC-282042-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

h) Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo Phụ lục số 19 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi về địa điểm; thay đổi về quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa
hàng bán LPG chai số.....ngày cấp.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều
kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo quy định
tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về
kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

....,ngày...tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

17. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai. Mã số hồ sơ: T-BPC-282043-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

h) Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo Phụ lục số 19 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế :
Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa
hàng bán LPG chai số.....ngày cấp.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều
kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai theo quy định
tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về
kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....,ngày....tháng...năm...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

18. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG. Mã số hồ sơ: T-BPC-282044-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG cho thương nhân.

Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo phụ lục số 13 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Tài liệu chứng minh có kho chứa chai LPG và LPG chai thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải

- Danh sách hệ thống phân phối và các hợp đồng đại lý kinh doanh LPG

- Bản sao Hợp đồng đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, lệ phí:

* Đối với Doanh nghiệp:

- Phí thẩm định: Thị xã: 1.200.000 đồng; Huyện: 600.000 đồng.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

* Đối với hộ kinh doanh:

- Phí thẩm định: Thị xã: 400.000 đồng; Huyện: 200.000 đồng.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 13 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có kho với tổng sức chứa tối thiểu 2.000 chai LPG và LPG chai (trừ chai LPG mini) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê tối thiểu 01 năm

- Có hệ thống phân phối LPG, bao gồm: cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện và có tối thiểu 10 đại lý đáp ứng đủ điều kiện

- Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối:

1.....

2.....

3.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

.....ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

19. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG. Mã số hồ sơ: T-BPC-282045-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG
số.....ngày cấp.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

20. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh làm Tổng đại lý kinh doanh LPG. Mã số hồ sơ: T-BPC-282046-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi về địa điểm; thay đổi về quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG
số.....ngày cấp.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

.....,ngày.....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

21. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG. Mã số hồ sơ: T-BPC-282047-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG

h) Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế :
Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG
số.....ngày cấp.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....,ngày....tháng...năm...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

22. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG. Mã số hồ sơ: T-BPC-282048-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG cho thương nhân.

Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG, Sở Công Thương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG theo phụ lục số 15 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải

- Bản sao Hợp đồng đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối hoặc Tổng đại lý kinh doanh LPG

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, lệ phí:

* Đối với Doanh nghiệp:

- Phí thẩm định: Thị xã: 1.200.000 đồng; Huyện: 600.000 đồng.
- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.
- * Đối với hộ kinh doanh:

- Phí thẩm định: Thị xã: 400.000 đồng; Huyện: 200.000 đồng.
- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 15 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện
- Có hợp đồng đại lý tối thiểu 01 năm, còn hiệu lực với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối hoặc Tổng đại lý kinh doanh LPG.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với thương nhân kinh doanh LPG
đầu mối:

1.....

2.....

3.....

Hoặc Ký hợp đồng làm đại lý kinh doanh LPG với tổng đại lý kinh doanh
LPG:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm
đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22
tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí,
các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

.....ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

23. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.
Mã số hồ sơ: T-BPC-282049-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.

h) Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Đại lý kinh doanh LPG số.....ngày
cấp.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
làm Đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP
ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....ngày....tháng...năm...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

24. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh làm đại lý kinh doanh LPG. Mã số hồ sơ: T-BPC-282050-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

h) Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi về địa điểm; thay đổi về quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế :
Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Đại lý kinh doanh LPG số.....ngày
cấp.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....ngày....tháng...năm...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

25. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG. Mã số hồ sơ: T-BPC-282051-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận một cửa - Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, thương nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG

h) Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận: Thị xã: 200.000 đồng; Huyện: 100.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG theo Phụ lục số 19 của Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/5/2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước.

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ...
do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm Tổng đại lý kinh doanh LPG
số.....ngày cấp.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều
kiện làm Đại lý kinh doanh LPG theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP
ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....,ngày....tháng...năm...

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

26. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai. Mã số hồ sơ: T-BPC-282052-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương;

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG.
- Tài liệu chứng minh trạm nạp LPG vào chai phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.
- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.
- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và các thiết bị phụ trợ.
- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động của trạm nạp.
- Bản sao các quy trình: nạp LPG vào chai, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và an toàn lao động.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo Phụ lục số 07 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân là thương nhân kinh doanh LPG đầu mối.

- Trạm nạp LPG vào chai phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.

- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Trạm nạp, thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và thiết bị phụ trợ phải tuân thủ các quy định về an toàn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

- Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và có nguy cơ gây mất an toàn được kiểm định theo quy định.

- Có đầy đủ các quy trình: Nạp LPG vào chai, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và các quy định về an toàn

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân:
Tên giao dịch đối ngoại:.....
Địa chỉ trụ sở chính:.....
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:... do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:
Giấy chứng nhận đủ điều kiện.... số... do... cấp ngày... tháng... năm.....¹⁾

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:.....
Địa chỉ trạm nạp:.....
Điện thoại: Fax:.....
Nhãn hiệu hàng hoá:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....,Ngày....tháng...năm...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:
⁽¹⁾ Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LPG.

27. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai. Mã số hồ sơ: T-BPC-282056-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo mẫu Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế số:.....
Giấy chứng nhận đủ điều kiện:.....
Đề nghị Bộ Công Thương/ Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....,Ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký tên và đóng dấu)

28. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.
Mã số hồ sơ: T-BPC-282061-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo Phụ lục 19 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế số:
Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....
Đề nghị Bộ Công Thương/ Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....,Ngày....tháng...năm...
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH
(Ký tên và đóng dấu)

29. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai. Mã số hồ sơ: T-BPC-282067-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước 30 (ba mươi) ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai.
- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.
- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo mẫu Phụ lục số 19 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế số:
Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....
Đề nghị Bộ Công Thương/ Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....,Ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký tên và đóng dấu)

VI. Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)

30. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.
Mã số hồ sơ: T-BPC-282071-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối LNG.

- Tài liệu chứng minh trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và các thiết bị phụ trợ.

- Bản sao các quy trình: nạp LNG vào phương tiện vận tải, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và an toàn lao động.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LNG.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo Phụ lục số 09 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân kinh doanh LNG đầu mối.

- Phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.

- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Đáp ứng Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Trạm nạp, thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và thiết bị phụ trợ phải tuân thủ các quy định về an toàn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

- Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động của trạm nạp đã được kiểm định và đăng ký theo quy định

- Có đầy đủ các quy trình: Nạp LNG vào phương tiện vận tải, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và các quy định về an toàn.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/ Hợp tác xã/ Hộ kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Hợp tác xã/ Hộ kinh doanh số... do...
cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp
LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí,
cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản
pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

...,Ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký tên và đóng dấu)

31. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải. Mã số hồ sơ: T-BPC-282075-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LNG.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo mẫu Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế số:.....
Giấy chứng nhận đủ điều kiện:.....
Đề nghị Bộ Công Thương/ Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....Ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký tên và đóng dấu)

32. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải. Mã số hồ sơ: T-BPC-282080-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LNG.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo Phụ lục 19 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế số:.....
Giấy chứng nhận đủ điều kiện:.....
Đề nghị Bộ Công Thương/ Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....Ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký tên và đóng dấu)

33. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải. Mã số hồ sơ: T-BPC-282086-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước 30 (ba mươi) ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LNG.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo mẫu Phụ lục số 19 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế số:.....
Giấy chứng nhận đủ điều kiện:.....
Đề nghị Bộ Công Thương/ Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....,Ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký tên và đóng dấu)

III. Khí thiên nhiên nén (CNG)

34. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.
Mã số hồ sơ: T-BPC-282100-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu CNG hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối CNG.

- Tài liệu chứng minh trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị đo lường hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp CNG vào phương tiện vận tải.

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và các thiết bị phụ trợ.

- Bản sao các quy trình: nạp CNG vào phương tiện vận tải, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và an toàn lao động.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh CNG.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường
g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Phụ lục số 09 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thuộc sở hữu của thương nhân kinh doanh CNG đầu mối.

- Phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng.

- Phương tiện, thiết bị đo lường đã được kiểm định hoặc hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

- Đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Trạm nạp, thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và thiết bị phụ trợ phải tuân thủ các quy định về an toàn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

- Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động của trạm nạp đã được kiểm định và đăng ký theo quy định

- Có đầy đủ các quy trình: Nạp CNG vào phương tiện vận tải, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và các quy định về an toàn.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/ Hợp tác xã/ Hộ kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Hợp tác xã/ Hộ kinh doanh số... do...
cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp
LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí,
cụ thể:

Tên trạm nạp:.....

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-
CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản
pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

...,Ngày...tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký tên và đóng dấu)

35. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải. Mã số hồ sơ: T-BPC-282104-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

- Bản gốc (nếu có) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh CNG.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo mẫu Phụ lục số 19 Thông tư 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp ngày... tháng... năm.....

Mã số thuế số:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện:.....

Đề nghị Bộ Công Thương/ Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh/gia hạn

Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

.....Ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký tên và đóng dấu)

36. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải. Mã số hồ sơ: T-BPC-282109-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh CNG.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Phụ lục 19 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế số:.....
Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....
Đề nghị Bộ Công Thương/ Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

.....Ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký tên và đóng dấu)

37. Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải. Mã số hồ sơ: T-BPC-282114-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước 30 (ba mươi) ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực, thương nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải gửi hồ sơ đề nghị đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

- Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Bước 3: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Công Thương.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

- Bản cam kết bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh CNG

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Thị xã 1.200.000 đ/lần thẩm định; huyện 600.000 đ/lần thẩm định.

- Lệ phí: 200.000 đồng/lần thẩm định/bộ hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo mẫu Phụ lục số 19 Thông tư số 03/2016/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hết hiệu lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/03/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân/hợp tác xã/hộ kinh doanh:.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ... do... cấp
ngày... tháng... năm.....
Mã số thuế số:.....
Giấy chứng nhận đủ điều kiện.....
Đề nghị Bộ Công Thương/ Sở Công Thương xem xét cấp lại/điều chỉnh/gia hạn
Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí.
Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí, các
văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

.....,Ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/CHỦ
NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký tên và đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng

1. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Mã số hồ sơ: T-BPC-282122-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ tại bộ phận “một cửa” UBND các huyện, thị xã;
- Bước 2: Bộ phận “một cửa” UBND cấp huyện kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân;
- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã có văn bản yêu cầu bổ sung.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” UBND các huyện, thị xã hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 02 bộ hồ sơ (01 bộ gửi bộ phận “một cửa” UBND các huyện, thị xã, 01 bộ lưu tại trụ sở Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép) gồm :

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà Tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện
- + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 200.000 đồng/cơ sở.

- Phí thẩm định cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/cơ sở.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mẫu tại Phụ lục 10 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.

- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã. ⁽¹⁾

..... ⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của
Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

⁽²⁾: Tên Tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

II. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước

2. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Mã số hồ sơ: T-BPC-282131-TT

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ tại bộ phận “một cửa” UBND các huyện, thị xã;

- Bước 2: Bộ phận “một cửa” UBND cấp huyện kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân;

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận “một cửa” UBND các huyện, thị xã hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 02 bộ hồ sơ (01 bộ gửi bộ phận “một cửa” UBND các huyện, thị xã, 01 bộ lưu tại trụ sở Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép) gồm :

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

- Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

- Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

- Bản sao Giấy chứng nhận công bố hợp quy hoặc Giấy chứng nhận tiêu chuẩn các loại sản phẩm rượu của thương nhân dự kiến kinh doanh.

- Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

* Số lượng hồ sơ: 02

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định:

+ Thị xã: 1.200.000 đồng

+ Huyện: 600.000 đồng

- Lệ phí cấp:

+ Thị xã: 200.000 đồng

+ Huyện: 100.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/05/2012 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU

Kính gửi: Phòng⁽¹⁾

Tên thương nhân:.....
Địa chỉ trụ sở chính:;Điện thoại:..... Fax:.....;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾.... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:⁽³⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾...của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:⁽³⁾

2. Được phép bán:

Được phép Tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:.....⁽⁴⁾

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số...../2012/TT-BCT ngày... tháng... năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.